

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **4650** /TCHQ-TXNK

V/v hàng hóa SX, gia công tại DNCX

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **10** tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Cục Hải quan tỉnh Bình Dương;
- Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai;
- Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trả lời công văn số 1750/HQBD-TXNK ngày 22/6/2020 của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, công văn số 1201/HQĐNa-TXNK ngày 17/6/2020 của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, công văn số 1656/HQBRVT-TXNK ngày 18/6/2020 của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về xử lý thuế đối với hàng hóa thuê doanh nghiệp chế xuất gia công, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Ngày 11/5/2020, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 3018/TCHQ-TXNK hướng dẫn xử lý thuế đối với hàng hóa thuê DNCX gia công (bản photocopy đính kèm). Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nghiên cứu công văn số 3018/TCHQ-TXNK nêu trên để thực hiện.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được biết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCT Lưu Mạnh Tường (để b/cáo);
- Công ty TNHH E-top Việt Nam;
(KCN Mỹ Xuân A2, Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)
- Công ty TNHH Pung Kook Sài Gòn II;
(2A, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, TX. Dĩ An, tỉnh Bình Dương)
- Công ty TNHH Colltex (VN);
(Lô 28, đường số 7, KCN Trảng Bàng, phường An Tịnh, TX. Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh)
- Công ty TNHH Esprinta (Việt Nam);
(đường số 12, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP Dĩ An, tỉnh Bình Dương)
- Lưu: VT, TXNK (3).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Mạnh Hùng



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **3018** /TCHQ-TXNK

V/v xử lý thuế đối với hàng hóa
thuê DNCX gia công

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 2884/HQBD-TXNK ngày 24/10/2019 của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương phản ánh vướng mắc đối với trường hợp doanh nghiệp nội địa có hợp đồng gia công xuất khẩu thuê doanh nghiệp chế xuất (DNCX) gia công lại. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 6, khoản 8 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

Căn cứ Điều 2, Điều 3 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 10, khoản 1, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 20 Điều 4, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính,

Căn cứ các quy định nêu trên, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý thuế đối với trường hợp doanh nghiệp nội địa có hợp đồng gia công xuất khẩu thuê DNCX gia công lại như sau:

1. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công và sản phẩm gia công xuất khẩu.

a) Về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công và sản phẩm gia công xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa được miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP nếu đáp ứng quy định về cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp sản phẩm gia công xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư trong nước có thuế xuất khẩu thì khi xuất khẩu phải chịu thuế đối với phần trị giá nguyên liệu, vật tư trong nước cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu theo thuế suất của nguyên liệu, vật tư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

b) Về thuế GTGT: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

2. Trường hợp nguyên liệu, vật tư, linh kiện doanh nghiệp nội địa nhập khẩu để gia công, sau đó, xuất khẩu vào DNCX (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) để gia công.

a) Hàng hóa xuất khẩu để gia công theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu. Cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Trường hợp hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

b) Sản phẩm đặt gia công tại DNCX nhập khẩu trở lại nội địa: Doanh nghiệp nội địa phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trị giá tính thuế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

Doanh nghiệp nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT theo giá tính thuế GTGT quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

3. Về hoàn thuế nhập khẩu.

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP không quy định hoàn thuế nhập khẩu đối với trường hợp doanh nghiệp nội địa có hợp đồng gia công xuất khẩu nhưng thuê DNCX gia công, sản phẩm do DNCX gia công nhập khẩu vào thị trường trong nước đã nộp thuế nhập khẩu, sau đó tiếp tục sản xuất, gia công, chế biến để xuất khẩu.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan tỉnh Bình Dương biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Vũ Thị Mai (để b/cáo);
- Các Cục HQ tỉnh, thành phố (để t/hiện);
- Vụ Chính sách thuế;
- Vụ Pháp chế (BTC)
- Tổng cục Thuế;
- Cục GSQL, Vụ PC;
- Cục KTSTQ;
- Lưu: VT, TXNK (3)

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lưu Mạnh Tường